

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BẢO HÀ, HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Đỗ Thị Đức Hạnh¹, Đỗ Thị Tám², Lê Thị Mai³, Nguyễn Bá Long⁴

^{1,2,3}Học viện Nông nghiệp Việt Nam

⁴Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại xã Bảo Hà. Số liệu được thu thập từ các ban ngành của xã và từ 100 hộ theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Tình hình thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới được đánh giá bằng cách so sánh kết quả thực hiện với quy hoạch đề ra. Sử dụng thang đo 5 mức của Likert để đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả thực hiện các tiêu chí và kết quả thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Kết quả nghiên cứu cho thấy năm 2010 xã Bảo Hà chỉ có 2/19 tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới. Đến năm 2016 xã đã có 9/19 đạt chuẩn. Người dân xã Bảo Hà đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở mức trung bình. Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và quy hoạch phát triển các khu dân cư được đánh giá ở mức cao. Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, môi trường được đánh giá ở mức trung bình. Để thực hiện quy hoạch xây dựng hiệu quả cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: nâng cao nhận thức của nhân dân về xây dựng nông thôn mới; đa dạng hình thức huy động vốn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật phát triển các mô hình sản xuất và hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

Từ khóa: Nông thôn mới, quy hoạch xây dựng, thực hiện quy hoạch, tiêu chí nông thôn mới, xã Bảo Hà.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xây dựng nông thôn mới (NTM) được Đảng và Nhà nước ta xác định là một nhiệm vụ quan trọng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến tháng 12/2017 cả nước có 2.880 xã (32,3%) và 43 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn NTM. Bình quân cả nước đạt 13,23 tiêu chí/xã (Ban chỉ đạo trung ương các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020, 2018). Tỉnh Lào Cai đã có 35/143 xã được công nhận đạt chuẩn xã NTM. Bình quân toàn tỉnh đạt 10,02 tiêu chí/xã, (UBND tỉnh Lào Cai, 2018) thấp hơn bình quân chung của cả nước. Huyện Bảo Yên mới chỉ có 4 xã đạt chuẩn NTM, có 2 thôn đạt “Thôn kiểu mẫu” và 06 thôn đạt “Thôn nông thôn mới”. Bình quân đạt mỗi xã đạt 11,41 tiêu chí NTM, cao hơn bình quân chung của tỉnh Lào Cai. Nhiều mô hình sản xuất cho hiệu quả kinh tế cao đã được triển khai. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 21,27%; thu nhập bình quân đầu người đạt 20,83 triệu đồng/người/năm; quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên là xã đông dân (9752 khẩu) với nhiều thành phần dân tộc. Sản xuất nông nghiệp chiếm tới 68,8% nguồn thu của xã. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn khá cao. Diện tích tự nhiên của xã là 6.651,89 ha, chủ yếu là đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng. Xã Bảo Hà thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM từ năm 2010. Đến nay bộ mặt nông thôn tại xã đã có nhiều đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh về nhận thức của người dân trong xây dựng NTM. Tuy nhiên, quá trình xây dựng NTM trên địa bàn xã cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức, ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành mục tiêu chương trình xây dựng NMT theo đúng lộ trình của tỉnh. Do vậy, việc “*Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai*” là rất cần thiết nhằm đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch xây dựng NTM tại xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện quy hoạch xây dựng NTM trên địa bàn xã.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Các nội dung nghiên cứu chính là: (i) Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội xã Bảo Hà; (ii) Tình hình thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM tại xã Bảo Hà; (iii) Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch xây dựng NTM tại xã Bảo Hà; (iv) Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quy hoạch xây dựng NTM tại xã Bảo Hà.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp điều tra, thu thập số liệu:* Số liệu thứ cấp được kế thừa, thu thập từ các phòng ban trong huyện và xã. Số liệu sơ cấp được điều tra từ 100 hộ theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên từ các hộ sống trên địa bàn xã. Các chỉ tiêu điều tra gồm: quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ); quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, môi trường; quy hoạch phát triển các khu dân cư. Mỗi nội dung được đánh giá dựa trên 5 tiêu chí là: đánh giá chung về phương án quy hoạch; công khai quy hoạch; huy động vốn; quản lý quy hoạch và thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư.

- *Phương pháp đánh giá:* Sử dụng thang đo Likert (Likert, 1932; Hoàng Trọng và cộng sự, 2008) để đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Với 5 mức độ từ được gán giá trị từ 1 - 5. Chỉ số đánh giá chung là số bình quân gia quyền của số lượng người trả lời và hệ số của từng mức độ áp dụng. Thang đánh giá chung là: rất hài lòng: $\geq 4,20$; Hài lòng: 3,40 - 4,19; Trung bình: 2,60 - 3,39; Ít hài lòng: 1,80 - 2,59; Rất ít hài lòng: $< 1,80$.

- *Phương pháp so sánh:* So sánh việc thực hiện 19 tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng NTM tại xã Bảo Hà ở 2 thời điểm trước (năm 2010) và sau khi thực hiện chương trình xây dựng NTM (tính đến 12/2016).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội xã Bảo Hà

Xã Bảo Hà nằm cách trung tâm huyện Bảo Yên 24,0 km theo đường quốc lộ 279, với dân số là 9752 người phân bố ở 31 thôn bản. Nền kinh tế của xã có xuất phát từ thuần nông, tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 71,38% năm 2015 xuống còn 68,8% năm 2016, công nghiệp, thương mại - dịch vụ tăng từ 4%/năm, thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 15,5 triệu đồng/người/năm đến năm 2016 đạt 18,4 triệu đồng/người/năm.

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 6.651,89 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm chủ yếu với 87,60%, đất phi nông nghiệp chiếm 6,67% và đất chưa sử dụng chiếm 5,73%. Đất nông nghiệp tập trung vào 2 loại đất chính (đất sản xuất nông nghiệp chiếm 46% và đất lâm nghiệp chiếm 53,26%). Đất phi nông nghiệp chủ yếu nằm ở loại đất chuyên dùng (chiếm 24,36%) và đất sông suối mặt nước chuyên dùng (chiếm 60,36% tổng diện tích đất phi nông nghiệp). Đất chưa sử dụng tập trung chủ yếu ở núi đá không có rừng cây, chiếm tới 99,36% tổng diện tích đất chưa sử dụng.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Bảo Hà

Kết quả nghiên cứu (bảng 1) cho thấy trước khi triển khai chương trình xây dựng NTM, xã chỉ có 2 tiêu chí là bưu điện và giáo dục đạt chuẩn NTM. Sau 6 năm thực hiện đã có 9/19 tiêu chí đạt (đạt mức trung bình trong huyện).

Sự hài lòng của người dân được nhiều địa phương xem như là tiêu chí thứ 20 trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng NTM và đó cũng là mục tiêu mà các địa phương lựa chọn và hướng tới (Trần Thất, 2014). Tiêu chí này vừa nhằm bảo đảm tốt hơn nữa nhu cầu thực hiện dân chủ ở cơ sở, vừa đem lại lợi ích thiết thực cho người dân, giảm thiểu bệnh thành tích, chạy đua theo phong trào. Sự hài lòng với kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM tại xã Bảo Hà được trình bày trong bảng 2.

Bảng 1. Tình hình thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại xã Bảo Hà giai đoạn 2010-2016

TT	Tiêu chí	Năm 2010	Năm 2016	Đánh giá theo tiêu chí
I	Quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch	Chưa đạt	Đạt	Đạt
1.1	Quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ	Chưa đạt	Đạt	Đạt
1.2	Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội – môi trường theo chuẩn mới	Chưa đạt	Đạt	Đạt
1.3	Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp	Chưa đạt	Đạt	Đạt
II	Hạ tầng kinh tế xã hội			
2	Giao thông	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
2.1	Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT (%)	70	100	Đạt
2.2	Tỷ lệ km đường trục thôn được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật đường giao thông nông thôn (QĐ315 của Bộ GTVT) (%)	0	32,4	Chưa đạt
2.3	Tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hóa sạch, không bị lầy lội vào mùa mưa (%)	0	2	Chưa đạt
2.3	Tỷ lệ km đường giao thông nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện (%)	0	3	Chưa đạt
3	Thủy lợi	Chưa đạt	Đạt	Đạt
3.1	Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất và dân sinh	Chưa đạt	Đạt	Đạt
3.2	Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa (%)	48	71,6	Đạt
4	Điện.	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
4.1	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Chưa đạt	Đạt	Đạt
4.2	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (%)	70	80	Chưa đạt
5	Trường học	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia (%)	14	28,6	Chưa đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
6.1	Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, thể thao, du lịch	Chưa có	Chưa đạt	Chưa đạt
6.2	Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao, du lịch	0	71	Chưa đạt
7	Chợ	Chưa đạt	Đạt	Đạt
	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định	Chưa đạt	Đạt	Đạt
8	Bưu điện.	Đạt	Đạt	Đạt
8.1	Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông	Đạt	Đạt	Đạt
8.2	Có internet đến thôn	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
9.1	Không có nhà tạm, nhà dột nát (%)	Chưa đạt	2,5	Chưa đạt
9.2	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng (%)	50,4	60	Chưa đạt

TT	Tiêu chí	Năm 2010	Năm 2016	Đánh giá theo tiêu chí
III	Kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất			
10	Thu nhập	Chưa đạt	Đạt	Đạt
	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (tr đồng/năm)	10,5	18,4	Đạt
11	Hộ nghèo	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	43,53	30,5	Chưa đạt
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Chưa đạt	Đạt	Đạt
	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động (%)	71,35	91	Đạt
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Chưa đạt	Đạt	Đạt
	Các tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Chưa có	Có	Đạt
IV	Văn hóa – xã hội – môi trường			
14	Giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt
14.1	Phổ cập giáo dục THCS	Đạt	Đạt	Đạt
14.2	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, dạy nghề)	79	98	Đạt
14.3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	24,25	35	Đạt
15	Y tế	Chưa đạt	Đạt	Đạt
15.1	Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	48,4	100	Đạt
15.2	Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Chưa đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
	Xã có từ 70 % số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
17	Môi trường	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
17.1	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia	55,5	86,7	Đạt
17.2	Các cơ sở sản xuất – kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường	Chưa đạt	Đạt	Đạt
17.3	Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	Đạt	Đạt
17.4	Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
	Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
V	Hệ thống chính trị và an ninh trật tự			
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
18.1	100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
18.2	Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
18.3	Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Chưa đạt	Đạt	Đạt
18.4	Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Chưa đạt	Đạt	Đạt
19	An ninh, trật tự xã hội	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt

Bảng 2. Sự hài lòng của người dân với kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại xã Bảo Hà

TT	Tiêu chí	Mức độ đánh giá					Trung bình chung	Đánh giá chung
		Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Ít hài lòng	Rất ít hài lòng		
1	Quy hoạch	42	32	10	5	11	3,89	Hài lòng
2	Giao thông	2	34	31	18	15	2,90	Trung bình
3	Thủy lợi	18	29	32	18	3	3,41	Hài lòng
4	Điện	12	23	19	38	8	2,93	Trung bình
5	Trường học	7	15	24	21	33	2,42	Ít hài lòng
6	Cơ sở vật chất văn hóa	8	18	36	19	19	2,77	Trung bình
7	Chợ nông thôn	17	29	41	9	4	3,46	Hài lòng
8	Bru điện	23	42	16	12	7	3,62	Hài lòng
9	Nhà ở dân cư	7	9	34	31	19	2,54	Ít hài lòng
10	Thu nhập	7	39	52	2	0	3,51	Hài lòng
11	Hộ nghèo	9	16	45	28	2	3,02	Trung bình
12	Cơ cấu lao động	18	24	34	16	8	3,28	Trung bình
13	Hình thức tổ chức sản xuất	2	13	34	28	23	2,43	Ít hài lòng
14	Giáo dục	15	26	43	16	0	3,40	Hài lòng
15	Y tế	17	32	45	4	2	3,58	Hài lòng
16	Văn hóa	7	15	21	31	26	2,46	Ít hài lòng
17	Môi trường	3	12	54	19	12	2,75	Trung bình
18	Hệ thống tổ chức chính trị vững mạnh	11	17	34	23	15	2,86	Trung bình
19	An ninh, trật tự xã hội	13	36	29	9	13	3,27	Trung bình
Tổng		238	461	634	347	220	3,08	Trung bình

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Người dân xã Bảo Hà đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM ở mức trung bình (giá trị trung bình là 3,08). Trong đó có 7 tiêu chí được đánh giá ở mức độ hài lòng (giá trị trung bình từ 3,40 - 4,19); 8 tiêu chí được đánh giá ở mức độ hài lòng trung bình (giá trị trung bình từ 2,6 - 3,39); 4 tiêu chí được đánh giá ở mức độ ít hài lòng (giá trị trung bình từ 1,8 - 2,59).

3.3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại xã Bảo Hà

3.3.1. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất

Kết quả bảng 3 cho thấy, nhìn chung QHSDD thực hiện bám sát chỉ tiêu sử dụng đất

đã được duyệt. Hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt từ 100 - 126% so với kế hoạch. Chỉ tiêu không đạt gồm đất ở nông thôn tăng 23,5 ha đạt 95,45%, đất nghĩa trang - nghĩa địa đạt 77,73%, đất lúa giảm 5,08 ha (trung bình mỗi năm giảm 0,85 ha) do chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản để có thu nhập cao hơn, đạt 78,88% so với kế hoạch.

Khu trung tâm xã đã có quy hoạch chi tiết. Xây dựng hệ thống thoát nước khu trung tâm xã bằng hệ thống cống bê tông với tổng chiều dài 3,0 km dọc theo Quốc lộ 279, chợ, ga Bảo Hà để đảm bảo năng lực thoát nước thải cho khu trung tâm xã.

Bảng 3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2016 xã Bảo Hà

TT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2010 (ha)	Năm 2016		Tỷ lệ thực hiện quy hoạch (%)
				Kế hoạch (ha)	Thực hiện (ha)	
	Tổng diện tích tự nhiên		6.651,89	6.651,89	6.651,89	100
I	Đất nông nghiệp	NNP	5.862,34	5.833,89	5.826,47	126,08
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	2.698,92	2.680,39	2.680,39	100,00
a	Đất trồng cây hàng năm	CHN	2.155,52	2.146,73	2.148,09	84,53
-	Đất trồng lúa	LUA	253,78	247,34	248,7	78,88
-	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.901,74	1.899,39	1.899,39	100,00
b	Đất trồng cây lâu năm	CLN	543,4	532,3	532,3	100,00
2	Đất lâm nghiệp	LNP	3.123,3	3.103,52	3.103,09	102,17
-	Đất rừng sản xuất	RSX	2.430,45	2.413,22	2.412,79	102,50
-	Đất rừng phòng hộ	RPH	692,85	690,3	690,3	100,00
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	40,12	42,99	42,99	100,00
II	Đất phi nông nghiệp	PNN	399,45	445,33	443,74	96,53
1	Đất ở nông thôn	ONT	40,53	65,15	64,03	95,45
2	Đất chuyên dùng	CDG	87,82	108,09	108,09	100,00
-	Đất trụ sở cơ quan	TSC	0,62	0,75	0,75	100,00
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	8,24	10,71	10,71	100,00
-	Đất an ninh	CAN	0,01	0,01	0,01	100,00
-	Đất có mục đích công cộng	CCC	78,95	96,62	96,62	100,00
3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	2,13	4,24	3,77	77,73
4	Đất sông suối, kênh rạch	SON	268,97	267,85	267,85	100,00
III	Đất chưa sử dụng	CSD	390,1	372,67	381,68	48,31
1	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	3,89	2,57	2,45	109,09
2	Núi đá không có rừng cây	NCS	401,84	370,1	379,23	71,24

3.3.2. Đánh giá kết quả quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ

Về nông nghiệp: đã hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa tập trung như: mô hình cây Thanh long ruột đỏ 7,8 ha, cây táo ở các bản Liên Hà 6, Làng Cao, Liên Hải, Bảo Vinh; cây su su, khoai tây cao sản, gà đồi... Phát triển đàn đại gia súc, hỗ trợ sản xuất Dê giống, nuôi ong ngoại chất lượng cao. Mô hình chăn nuôi với công nghệ mới, sạch sẽ, thông thoáng đã mang lại lợi nhuận lớn cho một số hộ dân làm trang trại. Trồng rừng thay thế cây sắn, trồng rừng cảnh quan ven đường cao tốc. Phát triển lâm nghiệp toàn diện, khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức cá nhân trồng rừng kinh

tế hộ, gắn với chế biến.

Thương mại - dịch vụ: Xã Bảo Hà thuận lợi về giao thông, nằm trên trục đường Quốc lộ 279 nối tiếp với huyện Văn Bàn - Than Uyên (Lai Châu) là một vùng du lịch sinh thái, đặc biệt xã Bảo Hà có di tích lịch sử Đền ông Hoàng Bảy, Đình Làng Lúc thu hút rất nhiều du khách trong cả nước nước đến thăm. Do vậy tiềm năng phát triển du lịch của xã là rất lớn, do vậy cần phải đầu tư duy tu thường xuyên các di tích, xây dựng hạ tầng du lịch, các dịch vụ phục vụ sự phát triển du lịch.

Mô hình nông thôn mới tại xã Bảo Hà đã phát huy được tác động tích cực tạo nên sự đa dạng trong thu nhập của người dân địa phương, thu nhập bình quân của người dân từ 10,5 triệu

đồng năm 2010 lên 18,4 triệu đồng năm 2016, trong đó có 8/31 thôn bản đạt tiêu chí thu nhập trên 20 triệu đồng.

3.3.3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường

Đường xã, liên xã với tổng số 14 km được nhựa hóa, bê tông hóa. Đường liên thôn, trục thôn số km được bê tông hóa đạt 20,5/63,3 km. Đường ngõ xóm tỷ lệ cứng hóa đạt rất thấp.

Toàn xã có 36 công trình mương thủy lợi, với tổng chiều dài là 43,28 km, trong đó 31 km kênh mương do xã quản lý đã được cứng hóa, còn lại là mương đất. Hệ thống kênh mương tưới tiêu của xã Bảo Hà cơ bản đã đáp ứng khoảng 80% nhu cầu tưới tiêu.

Mạng lưới điện thường xuyên được nâng cấp cải tạo, đảm bảo điện năng cho người dân sản xuất, với chất lượng an toàn, ổn định. Đường dây điện cung cấp đến các hộ dân chất lượng cao giảm lượng điện năng bị tổn thất, giảm chi phí cho người sử dụng điện và tăng số hộ sử dụng điện trên 80%.

Tại khu vực trung tâm xã có nhà máy nước sinh hoạt, tại các bản có 9 công trình nước sinh hoạt tập trung, số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 60%.

Trên địa bàn xã có 07 trường, 02 trường mầm non, 03 trường tiểu học và 02 trường trung học cơ sở, cơ sở vật chất, mạng lưới lớp học, học sinh và cán bộ và giáo viên. Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn là 2/7 (28,6%).

Trụ sở UBND xã đã được xây dựng kiên cố vào trên diện tích 2651 m² nằm trên đường QL279. Đây cũng là khu trung tâm của xã gồm cả nơi làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND, khu trường học, ngân hàng, phòng khám đa khoa. Có 22/31 thôn bản (chiếm 70,96%) đã có nhà văn hoá.

Trên địa bàn có 1 chợ tại bản Liên Hà 2 với diện tích 1460,21 ha là nơi lưu thông hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng các mặt hàng phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân, cần duy trì, tổ chức quản lý hoạt động chợ chặt chẽ hơn.

Có 01 trạm thu phát buro chính viễn thông, buro điện văn hoá xã đã được xây dựng kiên cố. Có 22 thôn có điểm truy cập internet, 03 trạm thu phát sóng mạng.

Mật độ dân cư tập trung đông ở các bản Bảo Vinh, Lâm Sản, Liên Hà 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7; Liên Hải 1, 2; các thôn bản khác dân cư ở rải rác. Toàn xã có 2.512 nhà, nhà ở xây cố định (mái bằng từ 01 tầng trở lên) là 883 nhà, chiếm 36% tổng số nhà; còn lại là nhà bán kiên cố, nhà sàn, nhà gỗ, loại nhà này chiếm tỉ lệ khá cao tới hơn 60%.

Xã có một trạm y tế tại thôn Liên Hà 3 với diện tích đất là 0,02 ha, nhà kiên cố, số giường bệnh 03, đội ngũ cán bộ trạm có 1 y sỹ đa khoa, 3 điều dưỡng trung học, 1 nữ hộ sinh.

Tại khu vực trung tâm xã có nhà máy nước sinh hoạt, tại các bản có 9 công trình nước sinh hoạt tập trung, số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 60%. Xã chưa quy hoạch được nghĩa trang tập trung, rác thải đã được Công ty Huy Hoàng thu gom xử lý. Nhà vệ sinh hợp quy cách đã xây dựng được 1864 công trình (đạt 76% số hộ trong toàn xã). Chuồng trại gia súc hợp quy cách đã xây dựng được 1594 công trình (đạt 82% số hộ trong toàn xã).

3.3.4. Đánh giá kết quả quy hoạch phát triển các khu dân cư

Các điểm dân cư đảm bảo thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất, bảo vệ môi trường. San lấp mặt bằng kè suối để tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất. Số hộ cần bố trí tái định cư, sắp xếp tại bản Liên Hà 1. Ghép dân cư bản Khoai 3 và Tà Vạng để thuận tiện cho sinh hoạt văn hóa, kết nối cộng đồng dân cư. Di dời 10 hộ đang ở trong vùng nguy hiểm, dẫn tách các hộ làm cho không gian khu dân cư khá thoáng đãng. Chính trang nhà ở khu dân cư cũ còn khó khăn, bên cạnh đó vấn đề nhà vệ sinh cần được chú trọng, tổng số hộ có nhà vệ sinh không hợp vệ sinh là 160 hộ.

3.3.5. Đánh giá của người dân về tình hình thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại xã Bảo Hà

Quyết định số 193/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã nhấn mạnh quan điểm

QHXDNTM phải có sự tham gia của người dân, cộng đồng dân cư, từ ý tưởng quy hoạch đến huy động nguồn vốn, tổ chức thực hiện và quản lý xây dựng. “Sự đánh giá của người dân” sẽ hướng tới hai mục tiêu vừa nhằm bảo đảm tốt hơn nữa nhu cầu thực hiện dân chủ ở cơ sở, vừa đem lại lợi ích thiết thực cho người dân, giảm thiểu bệnh thành tích, chạy đua theo phong trào trong xây dựng NTM. Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Phương án QHSDD được đánh giá ở mức độ trung bình (trung bình chung là 3,24). Phương án QHSDD được đánh giá ở mức tốt (trung bình chung là 3,89) và việc công khai QHSDD được đánh giá ở mức rất tốt (trung bình chung là 4,21). Khả năng huy động vốn, quản lý quy hoạch và thực hiện các dự án ưu tiên trong QHSDD được đánh giá ở mức trung bình. Điều này phản ánh thực tế công tác lập và công khai QHSDD hiện nay được thực hiện khá tốt ở các địa phương. Tuy nhiên để thực hiện hiệu quả QHSDD rất cần huy động vốn đầu tư, quản lý tốt việc thực hiện quy hoạch và xác định các dự án ưu tiên phù hợp trong mỗi giai đoạn cụ thể.

Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ được đánh giá ở mức cao (trung bình chung là 3,63). Chỉ duy nhất việc công khai quy hoạch này được đánh giá ở mức trung bình (giá trị trung bình chung là 3,18). Các tiêu chí khác đều ở mức cao. Điều đó cho thấy quy hoạch phát triển sản xuất đang rất được quan tâm. Tuy nhiên, do tính cạnh tranh của loại hình quy hoạch này trong chọn nhà đầu tư nên việc công khai quy hoạch chưa được đánh giá cao.

Quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, môi trường được đánh giá ở mức trung bình (giá trị trung bình là 2,73). Tất cả các tiêu chí trong quy hoạch này đều được đánh giá ở mức trung bình. Điều đó phản ánh đúng thực trạng hiện nay là việc hoàn thành các chỉ tiêu liên quan đến cơ sở hạ tầng là rất khó khăn do đòi hỏi một lượng vốn đầu tư khá lớn.

Quy hoạch phát triển các khu dân cư được đánh giá ở mức cao (giá trị trung bình là 3,17). Chỉ duy nhất tiêu chí công khai quy hoạch được đánh giá ở mức trung bình. Qua đó cho thấy quy hoạch phát triển các khu dân cư đang được quan tâm và thực hiện tương đối tốt.

Bảng 4. Đánh giá của người dân về tình hình thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại xã Bảo Hà

Tiêu chí đánh giá	Về phương án quy hoạch	Công khai quy hoạch	Huy động vốn	Quản lý quy hoạch	Thực hiện các dự án ưu tiên	Đánh giá chung
Quy hoạch sử dụng đất	3,89	4,21	2,81	2,49	2,78	3,24
Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ	3,58	3,18	3,88	3,97	3,56	3,63
Quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường	2,29	2,45	2,97	2,94	3,02	2,73
Quy hoạch phát triển các khu dân cư	3,51	3,12	4,22	4,08	3,62	3,71
Đánh giá chung	3,32	3,24	3,47	3,37	3,25	3,33

Ghi chú: Rất cao/rất tốt: $\geq 4,20$; Cao/tốt: 3,40 - 4,19; Trung bình: 2,60 - 3,39; Thấp/kém: 1,80 - 2,59; Rất thấp/rất kém: $< 1,80$.

3.4. Giải pháp để thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại xã Bảo Hà

Nhìn chung kết quả thực hiện các phương án quy hoạch trong quy hoạch xây dựng nông

thôn mới được đánh giá ở mức trung bình. Trong đó Quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường được đánh giá thấp nhất. Để nâng cao hiệu quả thực hiện quy hoạch xây

dựng nông thôn mới cần giải quyết một số tồn tại sau:

Về phương án quy hoạch: Nhìn chung các phương án quy hoạch đã được lập theo đúng quy định, được đánh giá ở mức tốt. Riêng phương án quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và môi trường cần được quan tâm hơn. Cần phải xác định chi tiết các công trình cơ sở hạ tầng theo từng giai đoạn cụ thể để đảm bảo hiệu quả thực hiện.

Về công khai quy hoạch: việc công khai QHSDD được đánh giá rất tốt. 3 quy hoạch còn lại được đánh giá ở mức trung bình. Vì vậy, công khai quy hoạch đóng vai trò quan trọng để thu hút đầu tư và nâng cao hiệu quả thực hiện quy hoạch.

Việc huy động vốn để thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được thực hiện tương đối tốt với quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và quy hoạch phát triển các khu dân cư nhưng lại ở mức trung bình đối với QHSDD và quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và môi trường. Điều đó kéo theo việc quản lý quy hoạch và thực hiện các dự án ưu tiên của 02 loại quy hoạch này cũng được đánh giá ở mức trung bình. Do vậy rất cần xây dựng kế hoạch các dự án ưu tiên cho mỗi giai đoạn để nhà đầu tư yên tâm đầu tư vốn vào dự án, đặc biệt là các dự án liên quan đến QHSDD và quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và môi trường. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Huy động tối đa các nguồn vốn từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền, cho thuê đất trên địa bàn xã. Lồng ghép các chương trình, dự án vay vốn của các đoàn thể và các dự án đầu tư phát triển khác đang triển khai trên địa bàn xã. Tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi của ngân hàng. Huy động từ các doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp như sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng hoá, dịch vụ - thương mại. Huy động từ nhân dân đóng góp theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Ngoài ra, cần có những quy định cụ thể để

quản lý và giám sát việc thực hiện quy hoạch. Đồng thời việc quản lý liên ngành cũng rất quan trọng.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp khác như: tiếp tục phấn đấu hoàn thành các tiêu chí chưa đạt chuẩn với phương châm “Dễ làm trước, khó làm sau”. Tổ chức tuyên truyền thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng và mục đích của Chương trình NTM giai đoạn 2016 - 2020, lồng ghép trong các buổi sinh hoạt ở cơ sở.

4. KẾT LUẬN

- Xã Bảo Hà có diện tích tự nhiên 6.651,89 ha. Trước khi triển khai chương trình xây dựng NTM xã có 2/19 tiêu chí đạt chuẩn NTM, đó là: bưu điện và giáo dục. Sau 6 năm thực hiện đã có 9/19 tiêu chí đạt và còn tới 10 tiêu chí chưa đạt chuẩn.

- Người dân xã Bảo Hà đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM ở mức trung bình (giá trị trung bình là 3,08). Mô hình NTM được áp dụng tại địa phương đã mang lại nhiều lợi ích trực tiếp cho người dân như xây được nhiều phòng học mới, cơ sở hạ tầng được cải thiện rõ rệt, 80% các hộ dân được sử dụng điện, duy trì ổn định tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập, đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt.

- Hầu hết các chỉ tiêu sử dụng đất đều đạt so với kế hoạch đề ra, quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và quy hoạch phát triển các khu dân cư được đánh giá ở mức cao (giá trị trung bình từ 3,4 - 4,2). QHSDD và quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, môi trường được đánh giá ở mức trung bình (giá trị trung bình từ 2,60 - 3,49).

- Để hoàn thành các tiêu chí chưa đạt cần có những giải pháp sau: kiện toàn ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia và nâng cao nhận thức của nhân dân về xây dựng NTM; đa dạng hình thức huy động vốn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật phát triển các mô hình sản xuất và hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành trung ương (2008). *Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008 - Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*.
2. Trần Thất (2014). Hội thảo Báo chí chung tay xây dựng nông thôn mới, ngày 21/11/2014. <http://www.hoinhabaovietnam.org.vn/vi/detail.php?pid=72&catid=73&id=36609&dhname=HNB-Hai-Duong-to-chuc-hoi-thao-Bao-chi-chung-tay-Xay-dung-nong-thon-moi>.
3. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

4. Likert, R. (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. *Archives of Psychology*, Vol. 140, No. 55.
5. UBND xã Bảo Hà (2015). Báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2011 - 2015, kế hoạch 2016 - 2020 tại xã Bảo Hà ngày 02/7/2015.
6. UBND xã Bảo Hà (2015). Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ năm 2017 xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, ngày 23/12/2016.
7. UBND xã Bảo Hà (2016). Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016, phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

ASSESS THE RESULTS OF THE IMPLEMENTATION OF PLANNING FOR RENEWING RURAL AREA BAO HA COMMUNE, BAO YEN DISTRICT, LAO CAI PROVINCE

Do Thi Duc Hanh¹, Do Thi Tam², Le Thi Mai³, Nguyen Ba Long⁴

^{1,2,3}*Vietnam National University of Agriculture*

⁴*Vietnam National University of Forestry*

SUMMARY

The study aimed to assess results of the implementation and propose solutions for implementation of new rural construction planning in Bao Ha commune. Data was collected from departments of commune and from 100 households by random sampling. The implementation of the new rural construction planning was assessed by comparing the results with the proposed planning. Likert's five-level scale was used to assess the local people's satisfaction on the results of implementation of the criteria and results of implementation of the new rural construction planning. The results show that in 2010 Bao Ha commune meet only 2/19 criteria for new rural standards. By 2016, the commune has 9/19 new rural standards. People in Bao Ha commune assessed the performance of the criteria for new rural construction with medium level. Planning for development of agricultural production of goods, industry, cottage industries, services and planning development residential areas were assessed with a high level. Land use planning and socio-economic and environmental infrastructure planning are assessed at an average level. In order to implement effective construction planning, the following solutions should be implemented in a uniform manner: raise people's awareness of new rural construction; diversify the form of capital mobilization; improve the quality of human resources, enhance the application of science and technology to develop production models and improve the infrastructure.

Keywords: Bao Ha commune, construction planning, implementing plan, new rural areas, new rural criteria.

Ngày nhận bài : 01/6/2018
Ngày phản biện : 13/11/2018
Ngày quyết định đăng : 21/11/2018